

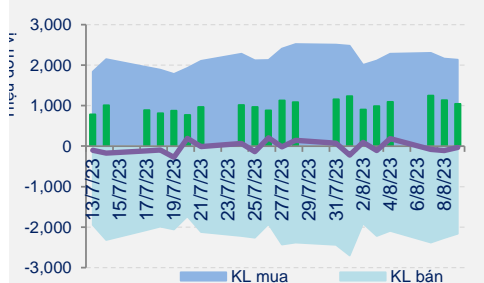
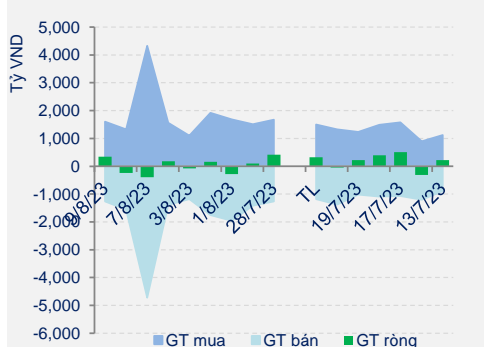
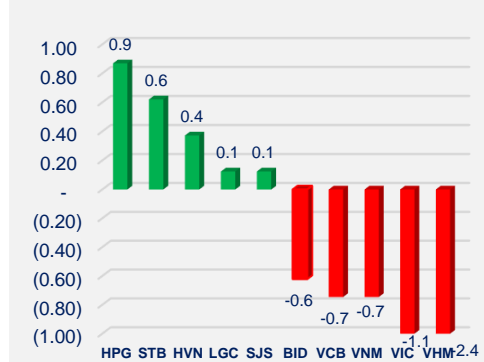
MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **9/8/2023**

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,233.99	245.88
% Thay đổi	↓ -0.66%	↓ -0.08%
KLGD (CP)	1,044,360,066	128,284,985
GTGD (tỷ đồng)	21,642.39	1,885.15
Tổng cung (CP)	2,166,091,118	196,993,200
Tổng cầu (CP)	2,133,531,241	186,148,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	38,598,600	994,410
KL mua (CP)	47,798,400	717,511
GT mua (tỷ đồng)	1,603.83	11.52
GT bán (tỷ đồng)	1,264.78	18.95
GT ròng (tỷ đồng)	339.05	(7.43)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


Sau khi áp lực bán gia tăng trong phiên trước, VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh ngay từ đầu phiên hôm nay khi mở cửa giảm điểm, áp lực bán gia tăng mạnh hơn đến cuối phiên. Kết thúc phiên giao dịch VN-INDEX giảm 8,24 điểm (-0,66%) về mức 1.233,99 điểm, thấp hơn giá cao nhất ngày 01/08/2023. HNX-INDEX giảm nhẹ 0,19 điểm (-0,08%) về 245,88 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết trở nên tiêu cực với áp lực bán ngắn hạn cũng gia tăng khi có 359 mã giảm giá (05 mã giảm sàn) 335 mã tăng giá (36 mã tăng trần) và 98 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết trong phiên đạt 23.527,55 tỷ đồng, giảm 9,13% so với phiên trước duy trì trên mức trung bình khi dòng tiền vẫn đang hoạt động trong thị trường và có xu hướng gia tăng đột biến hơn ở các nhóm mã vốn hóa nhỏ, thị giá thấp. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trên HOSE với giá trị 339,05 tỷ đồng; đột biến mua ròng nhiều ở nhóm thép, bán ròng trên HNX với giá trị 7,43 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin về thị trường xuất nhập khẩu lớn Trung Quốc, trong đó nhập khẩu và xuất khẩu của Trung Quốc giảm mạnh hơn dự kiến trong tháng 7 trong lúc nhu cầu yếu đe dọa triển vọng hồi phục của nền kinh tế số hai thế giới. Cụ thể lượng hàng hóa nhập khẩu của nước này trong tháng 7 giảm 12,4% so với cùng kỳ năm ngoái, lớn hơn nhiều so với dự báo và là tháng thứ 9 liên tiếp suy giảm. Lượng xuất khẩu tiếp tục giảm tháng thứ ba liên tiếp, giảm 14,5% so với cùng kỳ năm ngoái, giảm mạnh hơn so với mức dự báo là 12,5%.

Qua đó áp lực bán gia tăng mạnh hơn thể hiện qua chỉ số VN30 chỉ có 02 mã tăng giá là STB (+4,70%), HPG (+2,21%) trong khi còn lại chịu áp lực bán, điều chỉnh với thanh khoản vượt mức trung bình như VHM (-3,50%), GVR (-1,99%), VNM (-1,88%), MWG (-1,87%), VIC (-1,79%), SSI (-1,72%), POW (-1,42%)... phản ánh áp lực điều chỉnh, bán chốt lãi ngắn hạn mở rộng trong các ngành nghề.

Trong đó nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính chịu áp lực điều chỉnh mạnh hơn như VDS (-2,11%), HCM (-2,08%), BSI (-1,94), CTS (-1,90%)... nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp đa số cũng chịu áp lực điều chỉnh với SIP (-2,92%), VGC (-2,75%), PHR (-2,58%), KBC (-2,19%)....

Các cổ phiếu nhóm bất động sản phân hóa tích cực hơn một số mã phục hồi tăng giá tốt như SJS (+6,94%), NHA (+2,40%), DRH (+2,07%), NDN (+1,61%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản trên mức trung bình VHM (-3,50%), PDR (-2,27%), NVL (-2,21%), NTL (-2,21%)...

Mặc dù chỉ số VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh, tuy nhiên số lượng cổ phiếu tăng hết biên độ lại lớn hơn phiên trước và chủ yếu tập trung nhiều hơn vào các cổ phiếu thị giá thấp có tính chất đầu cơ lớn phản ánh dòng tiền đang đầu cơ nhiều hơn ở nhóm cổ phiếu này.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2308 giảm 8 điểm (-0,64%), chênh lệch dương 0,16 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng vượt mức trung bình, khối lượng mở OI không biến động lớn. Các kỳ hạn VN30F2309, VN30F2312 và VN30F2403 âm từ -0,24 điểm đến -3,94 điểm. Cho thấy các trader tăng cường hoạt động đầu cơ trong phiên trên kỳ hạn chính, duy trì lạc quan với VN30 trong các kỳ hạn ngắn và cũng không quá bị quan đối với mức độ điều chỉnh của VN30 khi kỳ vọng thị trường sẽ hồi phục ở vùng giá 1.235 điểm.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Nhịp điều chỉnh đã diễn ra trong phiên hôm nay như chúng tôi dự báo, mặc dù thị trường đang trong uptrend nhưng VnIndex đang trong khu vực không có ngưỡng cản cụ thể đồng thời vận động của thị trường đang tăng theo từng nhịp ngắn như chúng tôi đã phân tích nên việc thị trường điều chỉnh ngay sau phiên bùng nổ là hiện tượng bình thường, thị trường có thể còn có thêm các phiên điều chỉnh trong các phiên tới nhưng xu hướng vận động của VnIndex vẫn là hướng về khu vực kháng cự 1.300 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường đã điều chỉnh trong phiên hôm nay và chúng tôi đã dự báo về khả năng này để Vn-Index hình thành nhịp nghỉ sau khi chững lại trong phiên trước. Chốt phiên hôm nay VnIndex giảm -8,24 điểm (-0,66%) và đóng cửa ở 1.233,99 điểm.

Trong suốt giai đoạn vừa qua, các nhịp tăng ngắn hạn và điều chỉnh tích lũy đã liên tục được tạo ra từ khi VnIndex tạo uptrend. Xét dưới góc nhìn ngắn hạn phiên điều chỉnh hôm nay là vận động tốt để thị trường tiếp tục rũ bỏ và tích lũy lại, tuy nhiên khó có thể dự báo nhịp điều chỉnh hôm nay sẽ chỉ là 1 chặng tích lũy sideways trong vài phiên hay sẽ có rũ bỏ mạnh hơn. Chúng tôi vẫn kỳ vọng trạng thái vận động theo nhịp sẽ còn diễn ra cho đến khi Vn-Index chạm ngưỡng kháng cự mạnh 1.300 điểm.

Về góc nhìn trung hạn, thị trường vẫn đang duy trì trong xu hướng tăng điểm sau khi bật lên khỏi nền tảng tích lũy tốt và tin cậy trong 6 tháng đầu năm 2023 và sẽ có các nhịp tăng và điều chỉnh đan xen trên đường tăng tới vùng mục tiêu 1.300 điểm.

Trong ngắn hạn thị trường đang trong nhịp điều chỉnh và rũ bỏ thông thường nhưng nhịp điều chỉnh này hàm chứa rủi ro cao hơn bởi VnIndex đang dần tiệm cận ngưỡng cản mạnh 1.300 điểm. Các nhà đầu tư ngắn hạn nên thận trọng và duy trì tỷ trọng ở mức trung bình. Với nhà đầu tư trung, dài hạn chúng tôi vẫn thường xuyên khuyến nghị giải ngân trong thời gian vừa qua (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy) nên nếu cơ cấu tốt thì hiện tại hoàn toàn có thể tiếp tục nắm giữ.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

9/8/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
POW	13.90	13.1-13.6	16.5-17	12	23.1	13.0%	-70.1%	Theo dõi chờ giải ngân
BIC	29.05	28-29	32-33	26	8.2	33.1%	204.3%	Theo dõi chờ giải ngân
CTG	32.50	30-30.8	35-37	28	8.9	0.0%	12.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
30/3/23	BVS	26.4	18	28-30	25.5	46.7%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	35.7	25.1	35-37	34	42.2%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	15.5	12.75	18-18.5	14.5	21.6%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	62.0	54.8	65-67	61	13.1%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	31.3	28.05	34-35	31	11.6%	Nắm giữ
21/6/23	GMD	57.6	51	62-64	57	12.9%	Nắm giữ
12/7/23	DCM	33.1	27.75	33.5-35	31	19.3%	Nắm giữ
28/7/23	BIC	29.1	29.1	32-33	28	-0.2%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	73.1	72.95	87-89	72	0.2%	Nắm giữ
2/8/23	CTG	32.5	30.6	35-37	30.5	6.2%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Trung Quốc rơi vào giảm phát

Giá tiêu dùng (CPI) và giá nhà sản xuất (PPI) ở Trung Quốc đều giảm trong tháng 7 so với cùng kỳ năm ngoái, dấu hiệu cho thấy nền kinh tế lớn thứ hai thế giới đã rơi vào giảm phát. Tuy nhiên, giới phân tích cho rằng tình trạng này có thể chỉ là nhất thời vì các nhà hoạch định chính sách ở Bắc Kinh đang đối mặt với áp lực phải đẩy mạnh các biện pháp hỗ trợ tăng trưởng thông qua chính sách tài khoá và tiền tệ.

14 dự án điện mặt trời bị áp sai giá: Bộ Công Thương yêu cầu EVN giải quyết

Bộ Công Thương vừa yêu cầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) rà soát, tổng hợp và đề xuất giải pháp xử lý kinh tế với 14 dự án điện mặt trời đã và đang được hưởng cơ chế giá khuyến khích không đúng với nội dung Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018. Cụ thể, các dự án bao gồm nhà máy Hacom Solar, Sinenergy Ninh Thuận 1, Thuận Nam Đức Long, Thiên Tân solar Ninh Thuận,...

Những điều cần biết về biển số xe định danh từ ngày 15/8

Theo Thông tư 24/2023 của Bộ Công an (thay thế Thông tư 58/2020), từ ngày 15/8, biển số ô tô, xe máy sẽ được cấp và quản lý theo mã định danh của chủ xe. Đại tá Nguyễn Quang Nhật, Trưởng phòng Hướng dẫn tuyên truyền, điều tra, giải quyết tai nạn giao thông (Cục CSGT), cho biết, biển số định danh là biển số xe được cấp và được quản lý theo mã định danh của chủ xe.

Đề xuất tăng lương tối thiểu vùng năm 2024 khoảng 5-6%

Sáng nay 9-8, tại TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Hội đồng Tiền lương Quốc gia họp phiên thứ nhất năm 2023 để thảo luận, thương lượng về phương án điều chỉnh lương tối thiểu vùng năm 2024. Cuộc họp được chủ trì bởi ông Lê Văn Thanh, Thứ trưởng Bộ LĐ-TB-XH, Chủ tịch Hội đồng Tiền lương Quốc gia. Căn cứ kết quả khảo sát tình hình đời sống, việc làm, tiền lương của NLĐ năm 2023, cũng như chia sẻ khó khăn của DN, đại diện tổ chức Công đoàn mong muốn điều chỉnh tiền lương tối thiểu vùng để bù đắp chỉ số trượt giá, với mức đề xuất tăng 5-6%



TIN DOANH NGHIỆP

Một doanh nghiệp bia chia cổ tức khủng 278% bằng tiền mặt

Ngày 21/8 tới đây, CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền (mã chứng khoán SST) sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ 278%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 27.800 đồng. Như vậy, với 4 triệu cổ phiếu đăng ký giao dịch, Bia Sài Gòn Sông Tiền sẽ phải chi 111,2 tỷ đồng để trả cổ tức. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 18/8, thời gian chia cổ tức dự kiến thực hiện ngày 6/9/2023.

EVNGENCO3 (PGV) chi trả cổ tức còn lại năm 2022, tỷ lệ 14,5%

Tổng công ty Phát điện 3 (mã PGV - sàn HoSE) vừa thông báo đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2022. Tỷ lệ cổ tức bằng tiền là 14,5%/mệnh giá. Với quy mô vốn điều lệ 11.234,68 tỷ đồng, EVNGENCO3 dự kiến chi trả tới hơn 1.629 tỷ đồng cho các cổ đông. Ngày đăng ký cuối cùng là 8/9/2023. Cổ tức được chi trả tới các cổ đông vào ngày 05/10/2023.

Tập đoàn ASG: Lợi nhuận bán niên sụt giảm 88% so với cùng kỳ năm ngoái

Công ty cổ phần Tập đoàn ASG (mã chứng khoán ASG), một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ logistics hàng không vừa công bố báo cáo tài chính quý II và bán niên năm 2023. Tại báo cáo tài chính riêng, lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 của ASG chỉ đạt hơn 427 triệu đồng, trong khi cùng kỳ năm ngoái lãi 29,5 tỷ đồng, tương ứng giảm 29,1 tỷ đồng với tỷ lệ sụt giảm 98,6% so với 6 tháng đầu năm 2022.

Quỹ ETF gần 700 triệu USD mua mạnh cổ phiếu Việt

Sau 1 tuần im tiếng, iShares Frontier & Select EM ETF - quỹ ETF chuyên tập trung vào các cổ phiếu thị trường cận biên và mới nổi - đã mua ròng toàn bộ các mã cổ phiếu Việt có trong danh mục trong giai đoạn 31/07-07/08. Trong giai đoạn trên, PDR là mã được iShares ETF mua mạnh nhất, khối lượng 635,100 cp. Xếp sau lần lượt là IDC (275,400 cp) và HPG (234,000 cp).

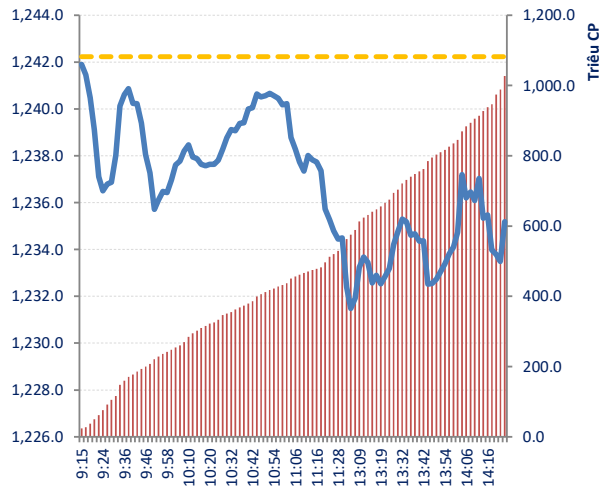
Một công ty chứng khoán vốn điều lệ hàng nghìn tỷ muốn IPO chào bán 10% vốn

Ngày 10/8 tới đây, CTCP Chứng khoán DNSE sẽ tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023. Trong tài liệu vừa công bố, DNSE dự kiến trình cổ đông thông qua về kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO).

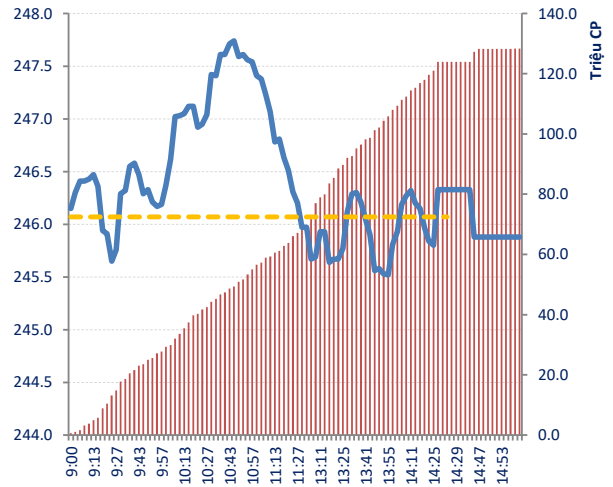


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

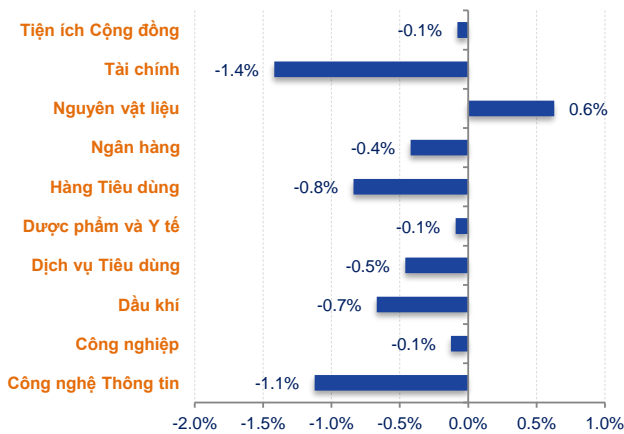
KLGD và VN-Index trong phiên



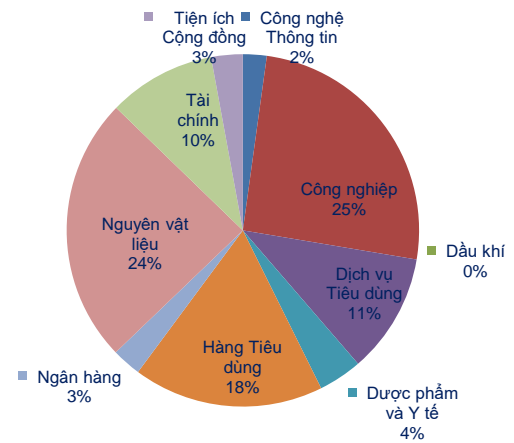
KLGD và HNX-Index trong phiên



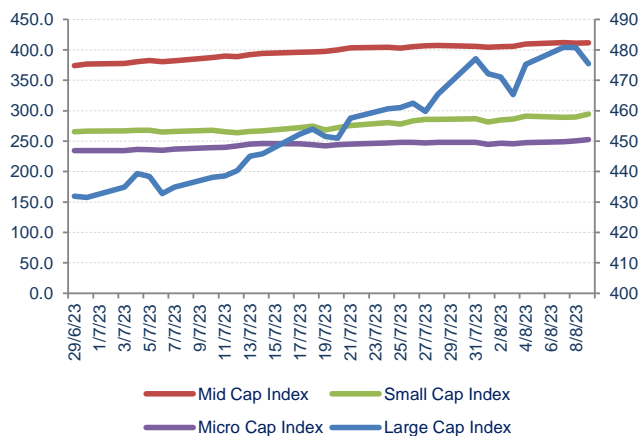
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



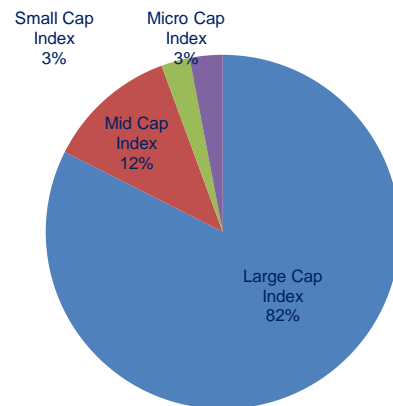
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	9,177,700	SSI	3,787,200
2	MSN	1,783,300	VHM	2,063,700
3	SGN	1,299,500	VRE	906,700
4	CTG	1,298,400	MSB	850,000
5	VIX	1,276,300	NVL	761,300

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	410,200	CEO	530,000
2	VIG	65,000	TNG	199,452
3	TTH	37,000	NVB	69,901
4	NST	29,300	MCF	56,600
5	IDC	24,300	VHL	40,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	20.35	19.90	↓ -2.21%	44,761,900
HPG	27.20	27.80	↑ 2.21%	42,762,952
STB	29.80	31.20	↑ 4.70%	37,886,024
HQC	4.97	4.90	↓ -1.41%	33,229,200
EIB	24.10	24.20	↑ 0.41%	26,157,895

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	16.10	15.80	↓ -1.86%	18,753,251
AMV	5.30	5.50	↑ 3.77%	9,452,049
DDG	9.30	10.20	↑ 9.68%	7,650,034
CEO	19.60	19.20	↓ -2.04%	7,166,359
PVS	36.00	35.70	↓ -0.83%	4,942,838

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLW	30.75	32.90	2.15	↑ 6.99%
TEG	10.05	10.75	0.70	↑ 6.97%
DAT	11.50	12.30	0.80	↑ 6.96%
HSL	7.33	7.84	0.51	↑ 6.96%
SJS	56.20	60.10	3.90	↑ 6.94%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDG	19.00	20.90	1.90	↑ 10.00%
NST	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%
ARM	24.00	26.40	2.40	↑ 10.00%
VMS	27.20	29.90	2.70	↑ 9.93%
CMS	12.10	13.30	1.20	↑ 9.92%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SMA	10.10	9.40	-0.70	↓ -6.93%
AGM	13.50	12.60	-0.90	↓ -6.67%
SSC	32.00	30.05	-1.95	↓ -6.09%
TNC	53.90	50.90	-3.00	↓ -5.57%
LEC	9.50	9.04	-0.46	↓ -4.84%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VCM	25.00	22.50	-2.50	↓ -10.00%
CJC	18.00	16.20	-1.80	↓ -10.00%
MCF	13.70	12.40	-1.30	↓ -9.49%
NHC	27.70	25.60	-2.10	↓ -7.58%
VTC	12.90	12.00	-0.90	↓ -6.98%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	44,761,900	-0.2%	(48)	-	0.9
HPG	42,762,952	-2.0%	(328)	-	1.6
STB	37,886,024	17.2%	3,601	8.3	1.3
HQC	33,229,200	0.1%	11	437.3	0.5
EIB	26,157,895	12.2%	1,726	14.0	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	18,753,251	4.3%	507	31.7	1.3
AMV	9,452,049	0.8%	106	49.9	0.4
DDG	7,650,034	-24.7%	(3,032)	-	0.9
CEO	7,166,359	7.9%	1,079	18.2	1.6
PVS	4,942,838	7.2%	1,954	18.4	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CLW	↑ 7.0%	24.6%	4,633	6.6	1.6
TEG	↑ 7.0%	9.5%	1,254	8.0	0.8
DAT	↑ 7.0%	9.8%	1,206	9.5	0.9
HSL	↑ 7.0%	2.8%	341	21.5	0.6
SJS	↑ 6.9%	6.6%	1,489	37.7	2.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDG	↑ 10.0%	2.1%	970	19.6	0.5
NST	↑ 10.0%	14.3%	2,240	3.6	0.5
ARM	↑ 10.0%	11.0%	1,259	19.1	2.1
VMS	↑ 9.9%	7.8%	1,279	21.3	1.7
CMS	↑ 9.9%	0.8%	102	118.6	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	9,177,700	-2.0%	(328)	-	1.6
MSN	1,783,300	3.6%	920	96.9	3.4
SGN	1,299,500	21.5%	5,655	13.4	2.8
CTG	1,298,400	15.8%	3,664	8.9	1.3
VIX	1,276,300	7.0%	839	19.2	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	410,200	4.3%	507	31.7	1.3
VIG	65,000	6.9%	490	17.1	1.2
TTH	37,000	0.1%	16	256.7	0.4
NST	29,300	14.3%	2,240	3.6	0.5
IDC	24,300	20.7%	3,969	12.1	2.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	506,932	23.0%	5,797	15.6	3.3
VHM	273,454	29.1%	10,332	6.1	1.6
VIC	255,534	4.0%	1,405	47.7	1.9
BID	246,097	19.0%	4,025	12.1	2.2
GAS	193,692	20.3%	6,680	15.1	2.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,207	7.2%	1,954	18.4	1.3
IDC	15,807	20.7%	3,969	12.1	2.5
THD	14,350	2.9%	504	81.3	2.4
SHS	13,092	4.3%	507	31.7	1.3
BAB	12,085	9.0%	1,094	13.3	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	5.97	-0.3%	(51)	-	0.7
TTB	4.55	-0.2%	(17)	-	0.2
MHC	4.24	9.6%	1,184	8.0	0.7
AGM	4.24	-46.1%	(10,046)	-	0.8
PTL	3.87	-22.1%	(1,116)	-	1.0

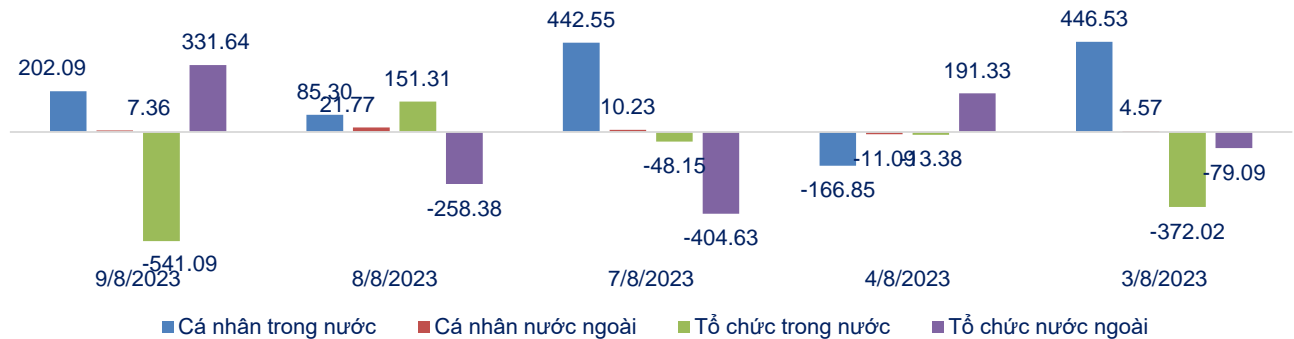
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	4.48	2.4%	265	102.5	2.5
CMS	4.25	0.8%	102	118.6	0.9
FID	4.15	-0.4%	(39)	-	0.3
IDJ	3.90	5.9%	668	11.4	0.7
API	3.85	6.9%	790	8.9	0.6



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	139.20	7.3%	1,093	26.6	2.0
ACB	117.60	24.1%	4,506	5.2	1.4
EIB	112.72	12.2%	1,726	14.0	1.7
VHM	110.37	29.1%	10,332	6.1	1.6
VPB	45.24	11.1%	1,728	12.8	1.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-181.98	-2.0%	(328)	-	1.6
MSN	-139.76	3.6%	920	96.9	3.4
VIC	-52.55	4.0%	1,405	47.7	1.9
BID	-33.16	19.0%	4,025	12.1	2.2
MWG	-31.02	6.6%	1,069	50.1	3.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	13.80	4.0%	1,405	47.7	1.9
VPB	2.13	11.1%	1,728	12.8	1.4
HPG	1.55	-2.0%	(328)	-	1.6
POW	1.33	4.2%	603	23.4	1.0
MWG	1.27	6.6%	1,069	50.1	3.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-2.87	1.2%	152	172.1	2.0
NVL	-2.67	-0.2%	(48)	-	0.9
SSI	-2.14	7.3%	1,093	26.6	2.0
BWE	-1.97	16.0%	3,703	12.4	1.9
FMC	-1.29	13.0%	4,128	11.6	1.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	26.13	10.6%	1,588	19.5	2.0
DGC	21.20	36.7%	10,788	6.9	2.4
VHM	16.40	29.1%	10,332	6.1	1.6
GMD	15.25	26.7%	7,569	7.7	1.8
GEX	14.16	1.6%	385	59.8	0.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	-117.60	24.1%	4,506	5.2	1.4
EIB	-112.83	12.2%	1,726	14.0	1.7
SGN	-98.15	21.5%	5,655	13.4	2.8
HPG	-71.40	-2.0%	(328)	-	1.6
STB	-54.12	17.2%	3,601	8.3	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	251.83	-2.0%	(328)	-	1.6
MSN	157.25	3.6%	920	96.9	3.4
SGN	98.18	21.5%	5,655	13.4	2.8
MWG	61.80	6.6%	1,069	50.1	3.3
CTG	42.15	15.8%	3,664	8.9	1.3

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-127.22	29.1%	10,332	6.1	1.6
SSI	-107.23	7.3%	1,093	26.6	2.0
VRE	-28.11	10.6%	1,588	19.5	2.0
FRT	-26.35	-2.3%	(327)	-	6.1
VCI	-21.36	5.0%	783	56.3	2.6

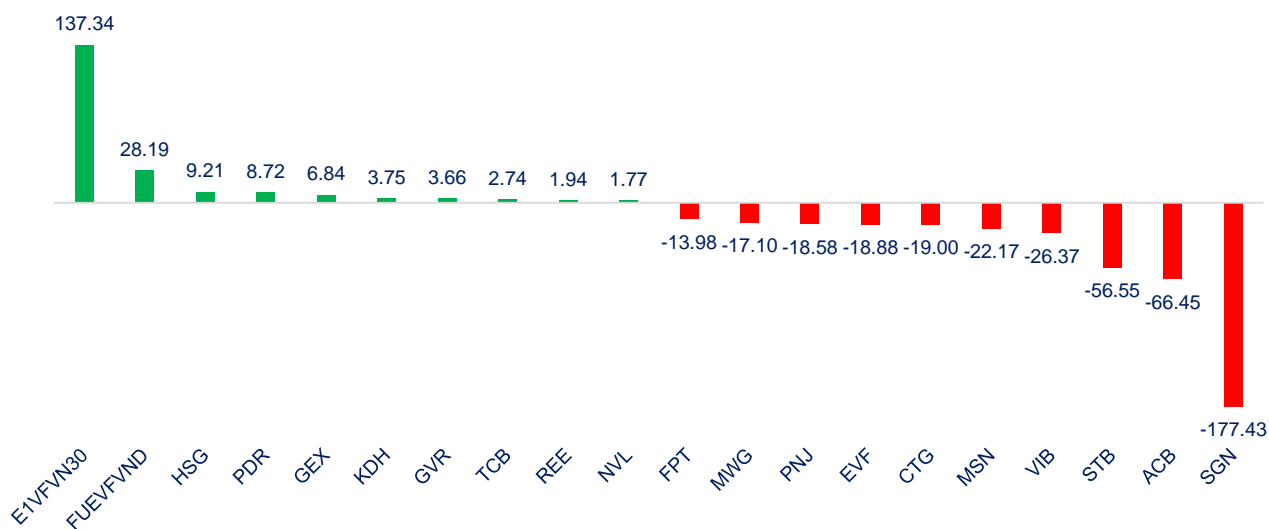


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn